

Số: /QĐ-UBND

Khánh Hòa, ngày tháng năm 2025

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường  
Dự án nhà máy sản xuất vải lông nhân tạo Ninh Thuận tại Lô B12, Khu  
công nghiệp Du Long, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây);*

*Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Công ty TNHH DM TEXTILE tại Văn bản số 08/CV-DM ngày 04 tháng 8 năm 2025 và hồ sơ kèm theo;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 221/TTr-SNNMT-CCKSBVMT ngày 08 tháng 8 năm 2025.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án nhà máy sản xuất vải lông nhân tạo Ninh Thuận tại Lô B12 Khu công nghiệp Du Long, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa (sau đây gọi tắt là Dự án) của Công ty TNHH DM TEXTILE (sau đây gọi tắt là Chủ dự án) thực hiện tại

Lô B12, Khu công nghiệp Du Long, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Tổ chức thực hiện.

- Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup> chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật và trước Chủ tịch UBND tỉnh về tính đầy đủ, hợp lý, hợp pháp của hồ sơ này; đồng thời, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm chủ động theo dõi việc thực hiện Quyết định này để kịp thời xử lý các nội dung theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Công thương, Xây dựng, Tài chính; Trưởng Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh; Giám đốc Công ty TNHH DM TEXTILE và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Chủ tịch và PCT UBND tỉnh (Trần Hòa Nam);
- UBND xã Thuận Bắc;
- VPUB: LĐVP, KT;
- Lưu: VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Hòa Nam**

---

<sup>1</sup> Theo Quyết định số 323/QĐ-SNNMT ngày 29/9/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN  
DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẢI LÔNG NHÂN TẠO NINH THUẬN  
TẠI LÔ B12, KHU CÔNG NGHIỆP DU LONG, XÃ THUẬN BẮC,  
TỈNH KHÁNH HÒA**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa)*

---

**1. Thông tin về Dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên Dự án: Nhà máy sản xuất vải lông nhân tạo Ninh Thuận.
- Địa điểm thực hiện: Lô B12, Khu công nghiệp Du Long, xã Thuận Bắc, tỉnh Khánh Hòa.
- Chủ dự án: Công ty TNHH DM TEXTILE.

**1.2. Quy mô, công suất:**

- Diện tích sử dụng đất: 28.400 m<sup>2</sup>.
- Công suất: 4,5 triệu m<sup>2</sup> vải/năm (tương đương 3.600 tấn/năm).

**1.3. Công nghệ sản xuất:**

Sử dụng công nghệ sản xuất dệt sợi kết hợp công nghệ nhuộm nhanh.

**1.4. Phạm vi:**

**1.4.1. Các hạng mục chính:**

a) Nhà xưởng sản xuất:

- Diện tích xây dựng: 9.760,0 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn: 9.760,0 m<sup>2</sup>;
- Số tầng: 01 tầng;
- Chiều cao công trình: 8,00 m so với cos nền.
- Cấp công trình: Cấp III.

b) Nhà kho + nhuộm:

- Diện tích xây dựng: 5.760,0 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn: 5.760,0 m<sup>2</sup>;
- Số tầng: 01 tầng.
- Chiều cao công trình: 8,00 m so với cos nền.
- Cấp công trình: Cấp III.

c) Nhà văn phòng :

- Diện tích xây dựng: 632 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn: 632 m<sup>2</sup>;
- Số tầng: 02 tầng;
- Chiều cao công trình: 7,8 m so với cos nền.
- Cấp công trình: Cấp III

d) Nhà nổi hơi:

- Diện tích xây dựng: 928,0 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn: 928,0 m<sup>2</sup>;
- Số tầng: 01 tầng.
- Chiều cao công trình: 13,00 m so với cos nền.
- Cấp công trình: Cấp III

đ) Phòng công vụ:

- Diện tích xây dựng: 400,0 m<sup>2</sup>;
- Diện tích sàn: 400,0 m<sup>2</sup>;
- Số tầng: 01 tầng.
- Chiều cao công trình: 6,20 m so với cos nền.
- Cấp công trình: Cấp III.

1.4.2. Các công trình hạ tầng kỹ thuật: cấp điện, cấp nước, giao thông, PCCC...

1.4.3. Các hạng mục công trình phụ trợ: bể nước PCCC, phòng bơm, bể nước sau lọc 300 m<sup>3</sup>, bể thu nước sản xuất 200 m<sup>3</sup>, lán để xe, cổng tường rào.

1.4.4. Các hạng mục bảo vệ môi trường: Hệ thống thoát nước mưa, hệ thống thoát nước thải, hệ thống xử lý khí thải, kho chứa chất thải nguy hại, nhà rác, nhà điều hành và khu xử lý nước thải.

### **1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:**

Dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường; khoản 4 Điều 25 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường**

- Hoạt động xây dựng các hạng mục công trình của Dự án như: san nền, đào, đắp đất; vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc, thiết bị làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải rắn nguy hại.

- Hoạt động giai đoạn vận hành của Dự án phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án**

#### 3.1. Nước thải, khí thải:

##### 3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải:

###### a) *Giai đoạn xây dựng:*

- Nước thải sinh hoạt công nhân: phát sinh khoảng 2,4 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 2,0 m<sup>3</sup>/ngày từ các máy trộn bê tông, nước thải dư thừa từ quá trình trộn vữa, làm mềm nguyên vật liệu và từ quá trình rửa bánh xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường thi công.

###### b) *Giai đoạn vận hành:*

- Nước thải phát sinh chủ yếu từ:

+ Hoạt động của cán bộ, công nhân phát sinh khoảng 6,3 m<sup>3</sup>/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh.

+ Hoạt động sản xuất làm phát sinh nước thải khoảng 801,864 m<sup>3</sup>/ngày, gồm các loại nước thải sau: (1) nước thải từ quá trình nhuộm vải, giặt vải sau nhuộm; (2) nước thải từ công đoạn in vải, giặt vải sau in; (3) nước thải từ xả cặn đáy lò hơi; (4) nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; (5) nước thải từ hệ thống xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt; (6) nước thải từ phòng thí nghiệm; (7) nước thải từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị; (8) nước thải từ quá trình làm mềm nước cấp lò hơi. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng (TSS), các hợp chất hữu cơ (BOD<sub>5</sub>, COD), xyanua, kim loại nặng, tổng các chất hoạt động bề mặt và độ màu.

##### 3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải:

a) *Giai đoạn xây dựng:* bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>,...) chủ yếu phát sinh từ các phương tiện tham gia hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, máy móc thiết bị, quá trình đào đắp móng, gia công cơ khí...

b) *Giai đoạn vận hành:* bụi, khí thải (CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>,...) phát sinh từ phương tiện giao thông, các hoạt động sản xuất (gồm: công đoạn cào lông, chải lông, cắt tia lông; công đoạn dệt; công đoạn định hình vải; công đoạn in vải; công đoạn nhuộm vải; hoạt động của phòng pha hóa chất, thuốc nhuộm, phòng thí nghiệm và hoạt động của lò hơi, lò dầu tải nhiệt), hệ thống xử lý nước thải tập trung, máy phát điện dự phòng...

#### 3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại:

### 3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt:

a) *Giai đoạn xây dựng*: chất thải rắn sinh hoạt của công nhân phát sinh khoảng 24 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì và thức ăn thừa...

b) *Giai đoạn vận hành*: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 121,6 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là hộp đựng thức ăn, bao bì...

### 3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn công nghiệp:

a) *Giai đoạn xây dựng*: chất thải rắn xây dựng phát sinh 298,67 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì, sắt, thép vụn, gạch vụn... Đất đào phát sinh khoảng 1.560,2 m<sup>3</sup>.

b) *Giai đoạn vận hành*:

- Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh 2.292,61 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là xơ sợi dư, vải thừa, vải hỏng, túi nylon, thùng carton, nhãn mác hư hỏng, tro xỉ, thiết bị lọc bụi túi vải... Bùn thải phát sinh từ bể tự hoại khoảng 1,095 tấn/năm.

- Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: bùn thải có thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải khoảng 342,55 tấn/năm.

### 3.2.3. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn xây dựng*:

- Chất thải nguy hại: lượng chất thải nguy hại phát sinh 212,16 kg/năm, thành phần chủ yếu là dầu nhớt thải, giẻ lau dính dầu... từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị tại Dự án.

b) *Giai đoạn vận hành*:

- Chất thải nguy hại: phát sinh ước tính khoảng 7.416 kg/năm. Thành phần chủ yếu như bóng đèn, dầu nhớt, mực in, bình ắc quy, giẻ lau hoá chất, thùng chứa hoá chất...

### 3.3. Tiếng ồn, độ rung:

a) *Giai đoạn xây dựng*: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, các máy móc, thiết bị thi công.

b) *Giai đoạn vận hành*: tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động của máy móc trong quy trình sản xuất, hệ thống xử lý nước thải tập trung...

## 4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

### 4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải:

a) *Giai đoạn xây dựng*:

- Nước thải sinh hoạt được thu gom vào nhà vệ sinh di động có dung tích 5,0 m<sup>3</sup>, định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến thu gom đi xử lý.

- Nước thải xây dựng: bố trí ngăn lắng (kích thước dài 2,0m × rộng 2,0m × sâu 1,0m) để lắng trong, tách cặn lắng, sau đó nước phía trên được tràn qua ngăn chứa (kích thước dài 2,0m × rộng 2,0m × sâu 1,0m) để thực hiện chức năng lưu giữ, tận dụng tưới đường đập bụi trong khuôn viên dự án; cặn lắng tại các ngăn được thu gom dùng để san lấp mặt bằng tại chỗ.

*b) Giai đoạn vận hành:*

Nước thải sinh hoạt được thu gom vào 03 bể tự hoại (kích thước 2,6m × 3,35m × 2,1m), sau khi xử lý bằng bể tự hoại, được dẫn vào hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT) tập trung công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Nhà máy để xử lý chung với nước thải sản xuất, sau đó nước thải được dẫn bằng ống uPVC D160 ra hố ga bên ngoài nhà máy tọa độ X = 1292988,651; Y = 586301,463 để phục vụ công tác kiểm tra lấy mẫu trước khi đầu nối vào hố ga thoát nước chung của khu công nghiệp tại tọa độ X = 1292991,975; Y = 586314,392 (theo Biên bản thỏa thuận đầu nối nước thải ngày 26/3/2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long và Công ty TNHH DM Textile).

- Quy trình xử lý nước thải như sau: nước thải đầu vào (nước thải sản xuất, nước thải sinh hoạt) → Hố gom (dung tích 50 m<sup>3</sup>) → song chắn rác → bể điều hòa (dung tích 450 m<sup>3</sup>) → tháp giải nhiệt → bể phản ứng hóa lý 1 (dung tích 12 m<sup>3</sup>) → bể tạo bông hóa lý 1 (dung tích 12 m<sup>3</sup>) → bể lắng hóa lý PICAF 1 (dung tích 110,25 m<sup>3</sup>) → bể sinh học hiếu khí 1 (dung tích 425 m<sup>3</sup>) → bể sinh học hiếu khí 2 (dung tích 425 m<sup>3</sup>) → bể lắng PICAF sinh học (dung tích 110,25 m<sup>3</sup>) → bể khử màu (dung tích 25 m<sup>3</sup>) → bể phản ứng hóa lý 2 (dung tích 12 m<sup>3</sup>) → bể tạo bông hóa lý 2 (dung tích 12 m<sup>3</sup>) → bể lắng hóa lý PICAF 2 (dung tích 110,25 m<sup>3</sup>) → bể khử trùng – xả thải (dung tích 25,6 m<sup>3</sup>) → hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Du Long.

- Nước mưa chảy tràn: được thu gom về 03 hố ga (Hố thu 1: X = 1293130,765; Y = 586145,119 ; hố thu 2: X = 1293100,552 ; Y = 586178,451 - hố thu 3: X = 1293006,385 ; Y = 586277,678) đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Du Long (theo Biên bản thỏa thuận điểm đầu nối hạ tầng kỹ thuật ngày 26/3/2025 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long và Công ty TNHH DM Textile).

- Yêu cầu bảo vệ môi trường:

+ Tuân thủ theo Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nguồn nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Du Long được đính kèm theo Thỏa thuận dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải được đính kèm theo Hợp đồng thuê lại đất số DL/2024/1112/B10B12/DMTEXTILE ngày 11/12/2024 giữa Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long và Công ty TNHH DM TEXTILE (sau đây viết tắt là Thỏa thuận đầu nối nước thải).

+ Trường hợp chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải đầu vào của Khu công nghiệp Du Long thì dừng việc xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Du Long, nước thải được lưu chứa tại bể điều hòa (trường hợp bể điều hòa

*không đủ sức chứa thì nhà máy sẽ dừng hoạt động tạm thời để khắc phục sự cố xảy ra và chỉ hoạt động trở lại khi HTXLNT của nhà máy hoạt động lại bình thường)* và thông báo ngay đến Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long; tiến hành kiểm tra, khắc phục đảm bảo chất lượng nước thải nằm trong ngưỡng tiếp nhận của Khu công nghiệp Du Long.

+ Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước mưa của Khu công nghiệp Du Long theo đúng quy định của pháp luật.

#### 4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải:

a) *Giai đoạn xây dựng*: sử dụng những phương tiện, máy móc được đăng kiểm, che phủ bạt đối với các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu; phương tiện vận chuyển chở đúng trọng tải quy định; phun nước giảm bụi, thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

#### b) *Giai đoạn vận hành*:

- Công trình xử lý bụi từ công đoạn cào lông, chải lông, cắt tia lông vãi: bụi tại khu vực cào lông, chải lông, cắt tia lông → Ống thu gom bụi → Thiết bị lọc bụi túi vải (*kích thước đường kính 500 mm × chiều cao 2.500 mm*) → Ống khói (*chiều cao 16m*) → thoát ra ngoài.

- Công trình xử lý bụi phát sinh từ công đoạn dệt: bụi từ công đoạn dệt vãi → Quạt hút (*công suất 250W*) → Thiết bị lọc bụi túi vải (*kích thước đường kính 550 mm × chiều cao 550 mm*) → thoát ra ngoài.

- Công trình xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn định hình vãi: dòng khí thải → Đường ống dẫn → Quạt hút (*công suất 22kW*) → Tháp hấp thụ (*kích thước đường kính 1.300 mm × chiều cao 2.300 mm*) → Ống khói (*chiều cao 16m*) → thoát ra ngoài.

- Công trình xử lý hơi hóa chất từ công đoạn in vãi: hơi hóa chất từ công đoạn in vãi → Chụp hút thu gom → Tháp hấp thụ than hoạt tính (*kích thước đường kính 1.300 mm × chiều cao 2.300 mm*) → Quạt hút (*công suất 2.000 m<sup>3</sup>/h*) → Ống khói (*chiều cao 16 m*) → thoát ra ngoài.

- Khí thải từ công đoạn nhuộm: toàn bộ công đoạn nhuộm được thực hiện tự động hóa, vận hành tự động trong máy nhuộm kín. Khi kết thúc quá trình nhuộm mới mở máy để lấy sản phẩm, khi đó lượng khí thải bốc ra chỉ là hơi nước. Ngoài ra để giảm thiểu hơi mùi, khí thải trong xưởng nhuộm Chủ dự án lắp đặt các quạt thông gió, quạt hút trong xưởng.

- Công trình xử lý khí thải từ hoạt động của lò hơi, lò dầu tải nhiệt:

+ Khí thải phát sinh từ lò hơi công suất 12 tấn/giờ phát sinh khoảng 44.388,3 m<sup>3</sup>/giờ và lò dầu tải nhiệt công suất 6.000.000 kcal/giờ phát sinh khoảng 37.380,2 m<sup>3</sup>/giờ được xử lý thông qua hệ thống xử lý khí thải được đi kèm với lò hơi và lò dầu tải nhiệt.

+ Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò hơi công suất 12 tấn/giờ: bụi và khí thải lò hơi → Cyclon (kích thước dài 2.050 mm × rộng 2.450 mm × cao 3.400 mm) → Tháp hấp thụ (kích thước: đường kính trong 2.200 mm, đường kính ngoài 2.280 mm, chiều cao 14.700 mm) → Quạt hút (công suất 75 kW) → Ống khói (chiều cao 20m) → thoát ra ngoài.

+ Quy trình công nghệ xử lý khí thải lò dầu tải nhiệt công suất 6.000.000 kcal/giờ: bụi và khí thải lò dầu tải nhiệt → Cyclon (kích thước dài 3.245 mm × rộng 2.610 mm × cao 7.210mm) → Tháp hấp thụ (kích thước: đường kính 2.000 mm, chiều cao 10.000 mm) → Quạt hút (công suất 75 kW) → Ống khói (chiều cao 20m) → thoát ra ngoài.

- Yêu cầu bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 19:2024/BTNMT, cột B Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại:

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

a) Giai đoạn xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa rác dung tích 30 lít và định kỳ chuyển giao toàn bộ lượng chất thải rắn này cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý đúng quy định.

- Chất thải rắn thông thường: thành phần có thể tái chế như sắt thép vụn, bao bì giấy carton,... được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua; thành phần không có khả năng tái chế như gỗ vụn, xà bần, gạch vụn, vữa xi măng thừa đông cứng,... sẽ hợp đồng với đơn vị thu gom, xử lý theo đúng quy định; đất đào khoảng 1.560,2 m<sup>3</sup> được tận dụng hết để đắp nền ở các khu vực như: sân bãi để xe, sân đường nội bộ và khuôn viên cây xanh, không đổ thải ra bên ngoài.

b) Giai đoạn vận hành:

- Chất thải sinh hoạt: bố trí các thùng chứa rác có nắp đậy loại 30 lít để thu gom và lưu chứa tại khu vực chứa chất thải rắn sinh hoạt có diện tích 52,6m<sup>2</sup>. Toàn bộ lượng chất thải này sẽ được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng quy định.

- Chất thải rắn công nghiệp:

+ Chất thải rắn công nghiệp thông thường: được thu gom vào các thùng chứa có dung tích 120 lít, có nắp đậy và lưu chứa tại khu vực chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường có diện tích 52,6 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn công nghiệp phải kiểm soát: được lưu chứa tại bể chứa bùn (dung tích 65 m<sup>3</sup>) và nhà chứa bùn (diện tích 110 m<sup>2</sup>), bùn thải sẽ được phân tích, áp dụng ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định tại quy chuẩn kỹ thuật môi trường về ngưỡng chất thải nguy hại để phân định là chất thải nguy hại hay chất thải rắn công nghiệp thông thường trước khi xử lý theo đúng quy định.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

a) *Giai đoạn xây dựng*: bố trí kho chất thải nguy hại có diện tích 12 m<sup>2</sup> trong khu vực công trường để lưu trữ chất thải nguy hại, đồng thời ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

b) *Giai đoạn vận hành*: bố trí kho chất thải nguy hại có diện tích 52,6 m<sup>2</sup> và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí hàng rào cây xanh quanh khu vực dự án; các máy móc, thiết bị được sử dụng trong quá trình thi công, vận hành phải thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng nhằm bảo đảm tiếng ồn, độ rung đạt quy chuẩn cho phép.

- Các phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển phải thường xuyên được kiểm tra, bảo dưỡng và đăng kiểm theo quy định.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: tuân thủ quy định tại QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

## **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án đầu tư:**

5.1. Chương trình quản lý môi trường:

Thực hiện tốt công tác thu gom, xử lý nước thải, khí thải; công tác phân loại, thu gom chất thải rắn; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại; quan trắc, đo đạc các thông số môi trường; thường xuyên theo dõi công tác vận hành các thiết bị, tiến hành bảo trì máy móc theo định kỳ; bố trí máy móc, thiết bị dự phòng và thay mới máy móc, thiết bị của hệ thống trong trường hợp cần thiết; theo dõi, giám sát, kịp thời phát hiện, thực hiện các biện pháp ứng phó sự cố môi trường; phối hợp với Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long và các đơn vị có liên quan để giám sát việc tuân thủ các yêu cầu về môi trường của Dự án.

5.2. Giám sát môi trường:

Thực hiện Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành theo đề xuất và cam kết của Chủ dự án như sau:

a) *Giám sát nước thải định kỳ*:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại hố ga lấy mẫu trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Du Long.

- Thông số giám sát: 33 thông số (*theo Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nguồn nước thải Khu công nghiệp Du Long được đính kèm Thỏa thuận đầu nối nước thải*).

- Tần suất thực hiện: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: theo Bảng tiêu chuẩn tiếp nhận nguồn nước thải Khu công nghiệp Du Long (*được đính kèm theo Thỏa thuận đầu nối nước thải*).

*b) Giám sát nước thải tự động:*

Thực hiện việc giám sát nước thải tự động tại đầu ra hệ thống xử lý nước thải công suất 1.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm của Nhà máy và truyền dữ liệu quan trắc tự động liên tục về nhà điều hành Khu công nghiệp Du Long của Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long để kiểm tra, giám sát theo quy định tại điểm 1.4.2 mục 1.4 phần B Phụ lục 1 Giấy phép môi trường số 306/GPMT-BTNMT ngày 28/8/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường (trước đây) cấp phép cho Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long, địa chỉ tại Khu công nghiệp Du Long, xã Lợi Hải, huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận (trước đây).

## **6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác:**

- Đảm bảo quá trình thi công xây dựng các hạng mục công trình của Dự án không ảnh hưởng đến các khu vực xung quanh; tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về bảo vệ môi trường nước, không khí, đất, tiếng ồn và độ rung trong quá trình thực hiện Dự án.

- Trong quá trình thực hiện Dự án, nếu đề xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và hoạt động của các dự án xung quanh, Chủ dự án phải dừng ngay các hoạt động của Dự án, tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố, thông báo khẩn cho Công ty Cổ phần đầu tư khu công nghiệp Hoàng Thành Du Long, Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Khánh Hòa, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Khánh Hòa, Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa để được chỉ đạo và phối hợp xử lý kịp thời; chịu trách nhiệm khắc phục sự cố môi trường, bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Chủ dự án thực hiện thủ tục cấp giấy phép môi trường tại Ban Quản lý Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 2 Quyết định số 671/QĐ-UBND ngày 11/8/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa; phải có giấy phép môi trường trước khi vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường.

- Nguyên vật liệu cung cấp cho dự án phải được cơ quan có thẩm quyền cấp phép; bố trí tải trọng xe, thời gian vận chuyển nguyên vật liệu phục vụ dự án hợp lý; quản lý tốt công nhân thi công; áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công bảo đảm không làm ảnh hưởng đến các hoạt động dân sinh trong khu vực dự án.

- Thực hiện chương trình quan trắc môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường; cập nhật; lưu giữ số liệu giám sát để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật, quản lý và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động bất lợi đến cảnh quan, môi trường trong quá trình thi công xây dựng.

- Tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường, đầu tư, xây dựng, quản lý đất đai, các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng cứu sự cố, an toàn lao động và các quy phạm kỹ thuật hiện hành có liên quan môi trường trong quá trình thực hiện Dự án.

- Thực hiện tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường đối với đội ngũ cán bộ và công nhân tham gia thi công Dự án.

- Cam kết điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường.

- Chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai Dự án; đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; thực hiện nghiêm túc các nội dung, yêu cầu và các quy định về trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án được phê duyệt.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Quyết định này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.